

QUY TẮC ĐẠO ĐỨC VÀ ỨNG XỬ NGHỀ NGHIỆP LUẬT SƯ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-HĐLSTQ ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng luật sư toàn quốc)

LỜI NÓI ĐẦU

Nghề luật sư ở Việt Nam là một nghề cao quý, bởi hoạt động nghề nghiệp của luật sư nhằm mục đích góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; góp phần phát triển kinh tế, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp là nền tảng cơ bản của nghề luật sư. Luật sư phải có bản phận tự mình nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn; nêu gương trong việc tôn trọng, chấp hành pháp luật; tự giác tuân thủ các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp trong hoạt động hành nghề, trong lối sống và giao tiếp xã hội.

Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư quy định những chuẩn mực về đạo đức và ứng xử nghề nghiệp, là thước đo phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư. Mỗi luật sư phải lấy Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp này làm khuôn mẫu cho sự tu dưỡng, rèn luyện để giữ gìn uy tín nghề nghiệp, thanh danh của luật sư, xứng đáng với sự tôn vinh của xã hội.

CHƯƠNG I **QUY TẮC CHUNG**

Quy tắc 1. Bảo vệ công lý và nhà nước pháp quyền

Luật sư có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Bằng hoạt động nghề nghiệp của mình, luật sư góp phần bảo vệ công lý và xây dựng nhà nước pháp quyền theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Quy tắc 2. Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan

Luật sư phải độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan, không vì lợi ích vật chất, tinh thần hoặc bất kỳ áp lực nào khác để làm trái pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

Quy tắc 3. Bảo vệ tốt nhất lợi ích của khách hàng

Luật sư có nghĩa vụ bảo đảm chất lượng dịch vụ pháp lý cung cấp cho khách hàng, tận tâm với công việc, phát huy năng lực, sử dụng kiến thức chuyên môn, các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích của khách hàng theo quy định của pháp luật, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư.

Quy tắc 4. Thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí

Trợ giúp pháp lý miễn phí là lương tâm và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư. Luật sư có nghĩa vụ thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam bằng sự tận tâm, vô tư và trách nhiệm nghề nghiệp như các vụ việc có nhận thù lao.

Quy tắc 5. Xứng đáng với sự tin cậy của xã hội

Luật sư có nghĩa vụ phát huy truyền thống tốt đẹp của nghề luật sư, thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, giữ gìn phẩm chất và uy tín nghề nghiệp; thái độ ứng xử đúng mực, có văn hóa trong hành nghề và lối sống để luôn tạo được và xứng đáng với sự tin cậy, tôn trọng của xã hội đối với luật sư và nghề luật sư.

CHƯƠNG II QUAN HỆ VỚI KHÁCH HÀNG

Quy tắc 6. Nhận vụ việc của khách hàng

6.1. Luật sư không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, tuổi tác, khuyết tật, tình trạng tài sản khi tiếp nhận vụ việc của khách hàng;

6.2. Luật sư tôn trọng sự lựa chọn luật sư của khách hàng; chỉ nhận vụ việc theo khả năng chuyên môn, điều kiện của mình và thực hiện vụ việc trong phạm vi yêu cầu hợp pháp của khách hàng;

6.3. Luật sư có nghĩa vụ giải thích cho khách hàng biết về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ trong quan hệ với luật sư; về tính hợp pháp trong yêu cầu của khách hàng; những khó khăn, thuận lợi trong việc thực hiện dịch vụ; quyền khiếu nại và thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng đối với luật sư;

6.4. Khi nhận vụ việc của khách hàng, luật sư, tổ chức hành nghề luật sư phải xác định rõ các quyền, nghĩa vụ của hai bên trong hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Quy tắc 7. Thù lao

Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư phải tư vấn cho khách hàng những quy định của pháp luật về căn cứ tính thù lao, phương thức thanh toán thù lao; thông báo rõ ràng mức thù lao, chi phí cho khách hàng và mức thù lao, chi phí này phải được ghi trong hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Quy tắc 8. Thực hiện vụ việc của khách hàng

8.1. Luật sư chủ động, tích cực giải quyết vụ việc của khách hàng và thông báo tiến trình giải quyết vụ việc để khách hàng biết;

8.2. Trong khi thực hiện cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng, luật sư không để tiền bạc hoặc lợi ích vật chất khác chi phối đạo đức và ứng xử nghề nghiệp làm sai lệch mục đích của nghề luật sư;

8.3. Luật sư không từ chối vụ việc đã nhận, trừ trường hợp bất khả kháng, hoặc pháp luật hay Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư cho phép hoặc được khách hàng đồng ý;

8.4. Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư ký nhận và có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài liệu, hồ sơ mà khách hàng giao cho mình; hoàn trả tài liệu, hồ sơ khi khách hàng yêu cầu hoặc khi đã giải quyết xong vụ việc và có thỏa thuận về việc trả lại, trừ trường hợp khách hàng chưa thanh toán hết thù lao, chi phí và việc giữ lại tài liệu, hồ sơ phù hợp với hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết.

Quy tắc 9. Từ chối nhận và thực hiện vụ việc của khách hàng

9.1. Luật sư từ chối nhận vụ việc của khách hàng trong các trường hợp sau đây:

9.1.1. Luật sư không đủ khả năng chuyên môn hoặc điều kiện thực tế để thực hiện vụ việc;

9.1.2. Khách hàng thông qua người khác yêu cầu luật sư mà người này có biểu hiện lợi dụng tư cách đại diện cho khách hàng để mưu cầu lợi ích cá nhân làm ảnh hưởng đến uy tín của luật sư và quyền lợi hợp pháp của khách hàng;

9.1.3. Khách hàng yêu cầu dịch vụ pháp lý của luật sư với ý định lợi dụng dịch vụ đó cho mục đích khác hoặc khách hàng không tự nguyện mà bị phụ thuộc theo yêu cầu không chính đáng của người khác;

9.1.4. Có căn cứ rõ ràng xác định khách hàng đã cung cấp chứng cứ giả hoặc yêu cầu của khách hàng không có cơ sở, trái đạo đức, trái pháp luật;

9.1.5. Có sự xung đột về lợi ích theo Quy tắc 11.1 mà không giải quyết được nếu tiếp nhận vụ việc đó;

9.1.6. Khách hàng có thái độ không tôn trọng luật sư và nghề luật sư và không thay đổi thái độ này.

9.2. Luật sư từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc trong các trường hợp sau đây:

9.2.1. Khách hàng đưa ra yêu cầu mới mà yêu cầu này không thuộc phạm vi hành nghề luật sư hoặc trái đạo đức, trái pháp luật;

9.2.2. Khách hàng không chấp nhận ý kiến tư vấn giải quyết vụ việc đúng pháp luật, phù hợp với đạo đức do luật sư đưa ra, mặc dù luật sư đã cố gắng phân tích thuyết phục;

9.2.3. Khách hàng vi phạm cam kết theo hợp đồng dịch vụ pháp lý mà các bên không thể thỏa thuận được hoặc quan hệ giữa luật sư với khách hàng bị tổn hại không phải do lỗi của luật sư;

9.2.4. Có sự đe dọa hoặc áp lực về vật chất hoặc tinh thần từ khách hàng hoặc người khác buộc luật sư phải làm trái pháp luật và đạo đức nghề nghiệp mà luật sư không thể đối phó;

9.2.5. Khách hàng sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư để thực hiện hành vi trái pháp luật;

9.2.6. Có căn cứ xác định khách hàng đã lừa dối luật sư;

9.2.7. Phát hiện vụ việc thuộc trường hợp quy định tại Quy tắc 9.1;

9.2.8. Các trường hợp phải từ chối do quy định của pháp luật hoặc trường hợp bất khả kháng khác.

Quy tắc 10. Đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý

10.1. Khi đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý theo Quy tắc 9.2, luật sư, tổ chức hành nghề luật sư thông báo bằng văn bản cho khách hàng trong thời hạn hợp lý để khách hàng có điều kiện tìm luật sư khác, đồng thời giải quyết nhanh chóng các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết;

10.2. Khi đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý, luật sư, tổ chức hành nghề luật sư có thái độ tôn trọng, xử sự ôn hòa, không dùng lời lẽ có tính chất xúc phạm đối với khách hàng, làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín của nghề luật sư, danh dự và uy tín của khách hàng.

Quy tắc 11. Giải quyết xung đột về lợi ích

11.1. Xung đột về lợi ích trong hành nghề luật sư là sự đối lập về quyền lợi vật chất hay tinh thần đã xảy ra hoặc có khả năng xảy ra giữa hai hay nhiều khách hàng của luật sư; giữa luật sư, nhân viên, vợ, chồng, con, cha mẹ, anh em của luật sư với khách hàng trong cùng một vụ việc hoặc trong những vụ việc khác có liên quan đến vụ việc đó;

11.2. Ứng xử của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp có xung đột về lợi ích:

11.2.1. Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư không nhận vụ việc của khách hàng mới có sự đối lập về quyền lợi với khách hàng mà luật sư đảm nhận theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý đang còn hiệu lực thực hiện trong cùng một vụ án hoặc vụ việc khác theo quy định của pháp luật;

11.2.2. Không nhận vụ việc của khách hàng nếu biết vợ, chồng, con, cha mẹ, anh em của luật sư đang cung cấp dịch vụ pháp lý cho người mà luật sư biết rõ là có quyền lợi đối lập với khách hàng đó;

11.2.3. Luật sư trong một tổ chức hành nghề không đồng thời nhận vụ việc của các khách hàng có quyền lợi đối lập nhau;

11.2.4. Từ chối trong các trường hợp khác có xung đột về lợi ích nếu có quy định của pháp luật.

Quy tắc 12. Giữ bí mật thông tin

Luật sư có nghĩa vụ giữ bí mật thông tin của khách hàng khi thực hiện dịch vụ pháp lý và cả khi đã kết thúc dịch vụ đó, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc theo quy định của pháp luật; luật sư có trách nhiệm yêu cầu các đồng nghiệp có liên quan và nhân viên của mình cam kết không tiết lộ những bí mật thông tin mà họ biết được và giải thích rõ nếu tiết lộ thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quy tắc 13. Tiếp nhận khiếu nại của khách hàng

13.1. Khi tiếp nhận yêu cầu khiếu nại của khách hàng, luật sư, tổ chức hành nghề luật sư có thái độ ôn hòa, nhã nhặn, chủ động thương lượng, hòa giải với khách hàng; nếu không có kết quả thì hướng dẫn khách hàng thủ tục khiếu nại tiếp theo để quyền lợi của khách hàng được giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo vệ uy tín của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư.

13.2. Việc trả lời khiếu nại của khách hàng được thực hiện bằng văn bản.

Quy tắc 14. Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với khách hàng

14.1. Chủ động xúi giục, kích động khách hàng kiện tụng hoặc thực hiện những hành vi khác trái pháp luật;

14.2. Sử dụng tiền bạc, tài sản của khách hàng trong khi hành nghề vào mục đích riêng của cá nhân luật sư;

14.3. Gợi ý hoặc đặt điều kiện để khách hàng tặng cho tài sản của khách hàng cho luật sư hoặc cho những người thân thích, ruột thịt của luật sư;

14.4. Nhận tiền hoặc bất kỳ lợi ích vật chất nào khác từ người thứ ba để thực hiện hoặc không thực hiện vụ việc gây thiệt hại đến lợi ích của khách hàng;

14.5. Đòi hỏi từ khách hàng hoặc người có quyền, lợi ích liên quan với khách hàng bất kỳ khoản tiền chi thêm hoặc tặng vật nào ngoài khoản thù lao và các chi phí kèm theo đã thỏa thuận, trừ trường hợp khách hàng tự nguyện thưởng cho luật sư khi kết thúc dịch vụ;

14.6. Tạo ra các tình huống xấu, những thông tin sai sự thật, bất lợi cho khách hàng để lôi kéo, đe dọa, làm áp lực nhằm tăng mức thù lao đã thỏa thuận hoặc mưu cầu lợi ích bất chính khác từ khách hàng;

14.7. Sử dụng thông tin biết được từ vụ việc mà luật sư đảm nhận để mưu cầu lợi ích cá nhân;

14.8. Thuê người môi giới khách hàng để giành vụ việc cho mình;

14.9. Thông tin trực tiếp cho khách hàng hoặc dùng lời lẽ ám chỉ để khách hàng biết về mối quan hệ cá nhân của mình với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc công chức nhà nước có thẩm quyền khác, nhằm mục đích gây niềm tin với khách hàng về hiệu quả công việc như là một tiêu chí để khuyến khích khách hàng lựa chọn luật sư;

14.10. Cố ý làm cho khách hàng nhầm lẫn về khả năng và trình độ chuyên môn của mình; đưa ra những lời hứa hẹn tốt đẹp để lừa dối khách hàng;

14.11. Cam kết bảo đảm kết quả vụ việc nhằm mục đích lôi kéo khách hàng hoặc để tính thù lao theo kết quả cam kết;

14.12. Lợi dụng nghề nghiệp để quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với khách hàng làm ảnh hưởng tới danh dự luật sư và nghề luật sư;

14.13. Đòi hỏi tiền bạc hoặc lợi ích vật chất khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho các khách hàng được hưởng trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật;

14.14. Từ chối vụ việc đã đảm nhận theo yêu cầu của tổ chức trợ giúp pháp lý, của các cơ quan tiến hành tố tụng, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư, trường hợp bất khả kháng hoặc

theo yêu cầu của khách hàng. Trong trường hợp có căn cứ từ chối, luật sư phải có văn bản thông báo cho tổ chức trợ giúp pháp lý, các cơ quan tiến hành tố tụng và khách hàng biết.

CHƯƠNG III QUAN HỆ VỚI ĐỒNG NGHIỆP

Quy tắc 15. Bảo vệ danh dự, uy tín của giới luật sư

Luật sư có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ danh dự, uy tín của giới luật sư như bảo vệ danh dự, uy tín của cá nhân mình; giữ gìn sự đoàn kết nội bộ, góp phần xây dựng đội ngũ luật sư trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với sự tôn trọng và tin cậy của xã hội.

Quy tắc 16. Tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp

16.1. Luật sư phải có thái độ thân ái và tôn trọng đồng nghiệp. Việc phê bình đồng nghiệp được thực hiện một cách thận trọng, khách quan, đúng nơi, đúng lúc với tinh thần xây dựng;

16.2. Luật sư có ý thức hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp trong hành nghề cũng như trong cuộc sống; góp ý kịp thời khi thấy đồng nghiệp làm điều sai trái, ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp luật sư;

16.3. Khi nhận vụ việc, nếu biết đã có đồng nghiệp nhận vụ việc này từ trước, luật sư tránh tác động để khách hàng chọn lựa mình; nếu khách hàng từ chối đồng nghiệp và chọn lựa mình, luật sư có trách nhiệm yêu cầu khách hàng phải cung cấp tài liệu chấm dứt Hợp đồng dịch vụ với đồng nghiệp trước khi luật sư nhận vụ việc đó.

Quy tắc 17. Tình đồng nghiệp trong giới luật sư

17.1. Tình đồng nghiệp là nhu cầu tình cảm, đạo đức của luật sư và truyền thống của dân tộc, cần được thể hiện cụ thể trong quan hệ công việc cũng như trong các sự kiện hiếu, hỉ, ốm đau, hậu sự, tai nạn, rủi ro liên quan đến đồng nghiệp;

17.2. Luật sư không để tình đồng nghiệp bị chi phối bởi kết quả thắng - thua trong hành nghề hoặc các quan hệ xã hội khác làm ảnh hưởng đến tình đoàn kết của giới luật sư.

Quy tắc 18. Cạnh tranh nghề nghiệp

Luật sư thực hiện các biện pháp cạnh tranh nghề nghiệp lành mạnh theo quy định của Luật Luật sư và pháp luật liên quan, theo Điều lệ của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư, qua đó tăng cường

niềm tin của khách hàng và công chúng đối với giới luật sư, cùng nhau góp phần thúc đẩy nghề luật sư Việt Nam phát triển.

Quy tắc 19. Ứng xử khi có tranh chấp quyền lợi với đồng nghiệp

19.1. Trong trường hợp có tranh chấp về quyền lợi với đồng nghiệp, luật sư cần thể hiện thiện chí thương lượng, hòa giải để giữ tình đồng nghiệp; trước khi khiếu nại, khởi kiện đồng nghiệp, luật sư cần thông báo cho Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư nơi luật sư là thành viên biết;

19.2. Khi được luật sư thông báo về việc khiếu nại, khởi kiện đồng nghiệp, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư cần có ý kiến hòa giải kịp thời để không ảnh hưởng tới tình đồng nghiệp cũng như quyền khiếu nại, khởi kiện của luật sư theo quy định của pháp luật.

Quy tắc 20. Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với đồng nghiệp

20.1. Xúc phạm danh dự hoặc hạ thấp uy tín của đồng nghiệp; thực hiện hành vi gây áp lực, đe dọa hoặc sử dụng các thủ thuật trái pháp luật và Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư để gây bất lợi đối với đồng nghiệp, giành lợi thế cho mình trong hành nghề;

20.2. Thông đồng với luật sư của khách hàng có quyền lợi đối lập với khách hàng của mình để cùng mưu cầu lợi ích cá nhân bất chính;

20.3. Tiếp xúc, trao đổi riêng với khách hàng đối lập về quyền lợi với khách hàng của mình để giải quyết vụ việc mà không thông báo cho luật sư đồng nghiệp (nếu có) bảo vệ quyền lợi cho khách hàng đó;

20.4. Môi giới khách hàng cho đồng nghiệp để đòi tiền hoa hồng;

20.5. Áp dụng các thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh để nhằm mục đích giành giật khách hàng như:

20.5.1. So sánh năng lực nghề nghiệp của mình hoặc tổ chức hành nghề của mình với các luật sư khác, tổ chức hành nghề khác nhằm mục đích tạo niềm tin để tác động, chi phối quyền lựa chọn luật sư của khách hàng;

20.5.2. Áp đặt hoặc cố tình chi phối làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong hành nghề của đồng nghiệp có quan hệ phụ thuộc với luật sư như quan hệ thầy - trò, cấp trên - cấp dưới, huyết thống, thân thuộc;

20.5.3. Xúi giục khách hàng từ chối đồng nghiệp để nhận vụ việc về cho mình;

20.5.4. Sử dụng các nhân viên của mình làm người tiếp thị trước trụ sở các cơ quan tiến hành tố tụng, trại tạm giam, cơ quan nhà nước và các tổ chức khác nhằm mục đích mời chào, dụ dỗ, lôi kéo khách hàng.

Quy tắc 21. Quan hệ của luật sư với tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư và tổ chức hành nghề luật sư

21.1. Luật sư có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ danh dự, uy tín, chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quyết định, quy chế của Liên đoàn Luật sư, Đoàn luật sư và các nội quy, quy định, quyết định của tổ chức hành nghề luật sư.

21.2. Luật sư có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

21.2.1. Bào chữa chỉ định khi được Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư phân công trong các vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng;

21.2.2. Tham gia tư vấn miễn phí, học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ và các sinh hoạt khác theo quy định của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư và tổ chức hành nghề luật sư;

21.2.3. Nộp phí thành viên đầy đủ, đúng hạn và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về phí thành viên theo Luật Luật sư, Điều lệ của Liên đoàn và Đoàn luật sư và Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư;

21.2.4. Tham gia các hoạt động và công tác khác do tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức xã hội – nghề nghiệp luật sư chủ trì hay khởi xướng;

21.3. Trong hành nghề, luật sư không được sử dụng các chức danh khác của mình ngoài danh xưng luật sư để mưu cầu lợi ích trái pháp luật.

Quy tắc 22. Quan hệ với người tập sự hành nghề luật sư

22.1. Luật sư hướng dẫn phải tận tâm, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình đối với người tập sự hành nghề luật sư;

22.2. Luật sư hướng dẫn không được làm những việc sau đây:

22.2.1. Phân biệt, đối xử mang tính cá nhân với những người tập sự hành nghề luật sư;

22.2.2. Đòi hỏi tiền bạc, lợi ích vật chất từ người tập sự hành nghề luật sư ngoài khoản phí đã đóng theo quy định của Liên đoàn luật sư Việt Nam;

22.2.3. Lợi dụng tư cách luật sư hướng dẫn để buộc người tập sự hành nghề luật sư phải làm những việc không thuộc phạm vi tập sự nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân của người hướng dẫn.

CHƯƠNG IV

QUAN HỆ VỚI CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG

Quy tắc 23. Ứng xử của luật sư trong quan hệ với cơ quan tiến hành tố tụng

23.1. Luật sư phải nghiêm chỉnh chấp hành nội quy và các quy định có liên quan trong quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng; có thái độ hợp tác, lịch sự, tôn trọng những người tiến hành tố tụng mà luật sư tiếp xúc khi hành nghề;

23.2. Luật sư có thể trao đổi ý kiến về nghiệp vụ với người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nếu xét thấy cần thiết và có lợi cho khách hàng nhưng phải giữ tính độc lập, không bị chi phối hoặc lệ thuộc vào ý kiến khác mình làm ảnh hưởng tới việc xây dựng quan điểm, phương án bào chữa, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng;

23.3. Tại phiên tòa, luật sư chấp hành nội quy phiên tòa, tôn trọng hội đồng xét xử, đại diện viện kiểm sát; có thái độ ứng xử đúng mực, có văn hóa khi thực hiện quyền xét hỏi người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác; không suy đoán chủ quan mang tính chất kích động, quy chụp, kết tội người khác hoặc có những lời lẽ gây bất lợi cho khách hàng của mình; không cố tình trì hoãn, gây trở ngại cho việc xét xử bằng những phương cách bất hợp lý hay trái đạo đức;

23.4. Trong luận cứ bào chữa, bảo vệ quyền lợi, luật sư phải chỉ ra những chứng cứ pháp lý và căn cứ pháp luật có ý nghĩa quan trọng giúp cho việc giải quyết vụ án được khách quan, đúng pháp luật, đồng thời kiên quyết bảo vệ ý kiến, luận cứ chính đáng và hợp pháp của mình;

23.5. Luật sư luôn giữ bình tĩnh và có quyền có những phản ứng, yêu cầu thỏa đáng, hợp lệ, đúng pháp luật trước những thái độ, hành vi sai trái, thiếu tôn trọng luật sư hay khách hàng của luật sư tại phiên tòa cũng như trong quá trình tố tụng.

Quy tắc 24. Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng

24.1. Câu kết qua trung gian hoặc trực tiếp quan hệ với người tiến hành tố tụng (kể cả người tham gia tố tụng) nhằm mục đích lôi kéo họ vào việc làm trái pháp luật trong giải quyết vụ việc;

24.2. Cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ mà luật sư biết rõ là sai sự thật; tham gia hay hướng dẫn khách hàng tạo thông tin, tài liệu, chứng cứ sai sự thật để cung cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng hoặc thực hiện những hành vi khác với mục đích lừa dối cơ quan tiến hành tố tụng;

24.3. Tự mình hoặc giúp khách hàng thực hiện những hành vi bất hợp pháp nhằm trì hoãn hoặc gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ việc;

24.4. Dùng lời lẽ mang tính chất chỉ trích, xúc phạm cá nhân trong quá trình tham gia tố tụng;

24.5. Lợi dụng tư cách người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của pháp luật để phát biểu những lời lẽ gây phương hại đến lợi ích quốc gia, lợi ích xã hội, đoàn kết dân tộc, tôn giáo hoặc tuyên truyền, phổ biến những quan điểm trái pháp luật hay đạo đức xã hội;

24.6. Phản ứng tiêu cực bằng hành vi tự ý bỏ về khi tham gia tố tụng tại phiên tòa làm ảnh hưởng tới quyền lợi hợp pháp của khách hàng, ảnh hưởng tới hoạt động của Hội đồng xét xử;

24.7. Phát biểu những điều biết rõ là sai sự thật trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc nơi công cộng về những vấn đề có liên quan đến vụ việc luật sư đảm nhận, nhằm gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

CHƯƠNG V QUAN HỆ VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC KHÁC

Quy tắc 25. Ứng xử của luật sư trong quan hệ với các cơ quan nhà nước khác

25.1. Khi quan hệ với các cơ quan nhà nước khác với tư cách đại diện ngoài tố tụng, luật sư tư vấn hoặc thực hiện dịch vụ pháp lý khác cho khách hàng, luật sư phải tuân thủ những quy định phù hợp trong Quy tắc 23, Quy tắc 24;

25.2. Trong quan hệ với cơ quan nhà nước, để thực hiện công việc cho khách hàng, luật sư cần có thái độ lịch sự, tôn trọng, kiên quyết từ chối những hành vi móc nối, trung gian trái pháp luật, trái đạo đức và lương tâm nghề nghiệp;

25.3. Luật sư có trách nhiệm giải thích cho khách hàng các quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo nhằm khuyến nghị khách hàng tránh việc khiếu nại, tố cáo trái pháp luật, gây tốn kém thời gian, tiền bạc của Nhà nước, của người dân và ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về trật tự, an toàn xã hội;

25.4. Luật sư không tìm cách nhằm kéo dài, gây khó khăn cho việc giải quyết của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI CÁC QUY TẮC KHÁC

Quy tắc 26. Quan hệ với các cơ quan thông tin đại chúng

26.1. Luật sư cần phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền pháp luật, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và các tiêu cực xã hội;

26.2. Luật sư có thái độ tôn trọng và hợp tác với các cơ quan thông tin đại chúng trong việc cung cấp thông tin trung thực, chính xác, khách quan theo yêu cầu của các cơ quan này, nếu những thông tin đó không làm ảnh hưởng tới quy tắc bảo mật theo quy định của pháp luật và quyền lợi hợp pháp của khách hàng;

26.3. Luật sư không được sử dụng cơ quan thông tin đại chúng để cố ý phản ánh sai sự thật nhằm mục đích cá nhân, động cơ khác hoặc tạo dư luận nhằm bảo vệ quyền lợi không hợp pháp của khách hàng hoặc phát ngôn gây ảnh hưởng đến an ninh và lợi ích quốc gia.

Quy tắc 27. Quảng cáo

Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư quảng cáo theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về các cam kết trong quảng cáo về chất lượng dịch vụ đối với xã hội.

**TM. HỘI ĐỒNG LUẬT SƯ TOÀN QUỐC
CHỦ TỊCH
(đã ký)**

Luật sư Lê Thúc Anh